

Hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam : Luận văn ThS. Luật : 60 38 40 / Phạm Thị Hiền ; Nghd. : PGS TS Trần Văn Độ

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Lời cảm ơn</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ	5
1.1 Khái niệm hình phạt	5
1.1.1. Định nghĩa	5
1.1.2. Mục đích hình phạt	8
1.1.3. Hệ thống hình phạt	11
1.2. Hình phạt cải tạo không giam giữ	15
1.2.1. Khái niệm	15
1.2.1.1. Bản chất pháp lý	15
1.2.1.2. Đặc điểm	17
1.2.1.3. Điều kiện áp dụng	21
1.2.2. Ý nghĩa của hình phạt cải tạo không giam giữ	23
1.2.2.1. Ý nghĩa chính trị xã hội	23
1.2.2.2. Ý nghĩa pháp lý	24
1.2.3. So sánh hình phạt cải tạo không giam giữ với một số hình phạt và biện pháp hình sự khác	25
1.2.3.1. So sánh với một số hình phạt khác	25
1.2.3.2. So sánh với biện pháp pháp lý hình sự khác - án treo	27
1.3. Hình phạt cải tạo không giam giữ theo pháp luật hình sự một số nước	30
Chương 2: HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	37

2.1.	Trước khi ban hành Bộ luật hình sự 1985	39
2.2.	Theo Bộ luật hình sự 1985	39
2.3.	Theo Bộ luật hình sự 1999	45
	Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	59
3.1.	Thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và những bất cập vướng mắc	59
3.1.1.	Thực tiễn áp dụng	59
3.1.2.	Những bất cập vướng mắc	63
3.2.	Một số kiến nghị	68
3.2.1.	Hoàn thiện các quy định về cải tạo không giam giữ	68
3.2.2.	Thống nhất nhận thức về áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ	72
3.2.3.	Các biện pháp tăng cường hiệu quả áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ	73
	KẾT LUẬN	78
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với tội phạm là trừng trị kết hợp với cải tạo, giáo dục cảm hóa; thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục, cảm hóa cải tạo người phạm tội trở thành người lương thiện; qua đó bồi dưỡng mọi công dân tinh thần, ý thức làm chủ xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật, chủ động tích cực tham gia đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 là hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp. Để thực hiện được nhiệm vụ trên, Nghị quyết xác định: "Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp với mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm khác...".

Hình phạt cải tạo không giam giữ trong pháp luật hình sự Việt Nam không chỉ thể hiện bản chất nhân đạo của pháp luật hình sự, mà còn có ý nghĩa động viên, khuyến khích người phạm tội tự giác cải tạo, giáo dục. Đồng thời, áp dụng hình phạt này đối với người phạm tội sẽ tạo điều kiện cho người đó được làm ăn sinh sống và chứng tỏ sự hối cải của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó làm việc, công tác, học tập, cư trú và của chính gia đình của người đó, nhanh chóng giúp cho họ tái hòa nhập cộng đồng, không bị cách ly khỏi xã hội.

Mặc dù mang bản chất nhân đạo cao cả, khả năng cải tạo, giáo dục người phạm tội cao và động viên được các lực lượng xã hội khác nhau trong phòng chống tội phạm, hình phạt cải tạo không giam giữ vẫn chưa được quan tâm đúng mức trong luật hình sự nước ta. Trong phần quy định về các loại tội phạm cụ thể trong phần riêng của Bộ luật Hình sự năm 1999, việc cho phép áp dụng hình phạt này còn hạn chế; Trong thực tiễn xét xử, hình phạt cải tạo không giam giữ còn ít được Tòa án áp dụng; Việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn nhiều bất cập và thiếu hiệu quả v.v..

Vì vậy, việc nghiên cứu những vấn đề chung về hình phạt cải tạo không giam giữ, thực tế áp dụng hình phạt đó có ý nghĩa quan trọng về lý luận cũng như thực tiễn, góp phần hoàn thiện Bộ luật Hình sự và nâng cao hiệu quả xét xử của Tòa án các cấp.

Những phân tích trên lý giải cho việc chúng tôi chọn đề tài cho luận văn thạc sĩ luật học của mình là "***Hình phạt cải tạo không giam giữ trong Luật Hình sự Việt Nam***".

2. Tình hình nghiên cứu

Hình phạt cải tạo không giam giữ trong pháp luật hình sự Việt Nam là một trong những chế định pháp lý hình sự quan trọng trong chính sách hình sự của Nhà nước ta. Bản thân hệ thống hình phạt nói chung và hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng đã được nhiều nhà khoa học, học giả quan tâm nghiên cứu, được đề cập trong nhiều bài viết nghiên cứu - trao đổi, xây dựng pháp luật... và được thể hiện trên báo chí trung ương và địa phương, nhất là các báo, tạp chí chuyên ngành pháp luật. Ví dụ như: *Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư pháp, 2006, của PGS.TS Võ Khánh Vinh và PGS.TS Nguyễn

Mạnh Kháng; *Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, 2000, của ThS. Đinh Văn Quế; *Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, 1994, của tập thể nhiều tác giả. Tuy nhiên, hình phạt cải tạo không giam giữ vẫn chưa được quan tâm đúng mức, các nghiên cứu về hình phạt cải tạo không giam giữ thường mới chỉ đề cập, tập trung nghiên cứu chung với các hình phạt khác hoặc từ góc độ khác. Cho đến nay chưa có một công trình chuyên khảo nào nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về hình phạt cải tạo không giam giữ để trên cơ sở đó đưa ra được giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và hệ thống hình phạt nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt này.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu đề tài là trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận, phân tích các quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, đưa ra những kiến nghị hoàn thiện các quy định của Luật Hình sự về cải tạo không giam giữ và kiến nghị, đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt này.

- Để đạt được mục đích trên, nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra là:

- + Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về hình phạt cải tạo không giam giữ
- + Phân tích các quy định của Bộ luật Hình sự về cải tạo không giam giữ
- + Nghiên cứu thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ
- + Đưa ra các kiến nghị hoàn thiện Bộ luật Hình sự và thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận của hình phạt cải tạo không giam giữ; các quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành về hình phạt cải tạo không giam giữ; cũng như thực tiễn áp dụng các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ trong những năm qua ở nước ta.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mácxít; tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và bản chất nhân đạo của chính sách hình sự và đấu tranh phòng chống tội phạm

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích, tổng hợp lịch sử, thống kê, so sánh, tham khảo chuyên gia và khảo sát thực tiễn.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Nghiên cứu hình phạt cải tạo không giam giữ một cách toàn diện và có hệ thống trên cơ sở lý luận và thực tiễn công tác xét xử trong những năm qua. Trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện chế định hình phạt cải tạo không giam giữ và nâng cao hiệu quả xét xử của Tòa án.

6. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về hình phạt cải tạo

Chương 2: Hình phạt cải tạo không giam giữ theo luật hình sự Việt Nam

Chương 3: Thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và một số kiến nghị.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN VĂN

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ

1.1. Khái niệm hình phạt

1.1.1. Định nghĩa

Trong khoa học hình sự Việt Nam, GS.TS Đỗ Ngọc Quang có quan điểm "Hình phạt là biện pháp cưỡng chế rất nghiêm khắc của Nhà nước được quy định trong luật hình sự do Tòa án áp dụng đối với người phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế những quyền và lợi ích nhất định với mục đích cải tạo giáo dục người phạm tội và ngăn ngừa tội phạm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân"

Đến Luật hình sự Việt Nam năm 1999, lần đầu tiên Bộ luật hình sự Việt Nam mới ghi nhận khái niệm hình phạt tại Điều 26.

"Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội.

Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và do Tòa án quyết định."

Tuy nhiên, chúng ta đồng tình với quan điểm của Tiến sĩ khoa học - PGS Lê Văn Cẩm, tại Điều 26 Bộ luật hình sự 1999 nên sửa thuật ngữ pháp lý "*người phạm tội*" thành "*người bị kết án*"

Các dấu hiệu được chỉ ra từ khái niệm hình phạt nói trên gồm:

- Hình phạt là biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất so với tất cả các biện pháp cưỡng chế về hình sự khác của Nhà nước. Hình phạt là biện pháp tước bỏ hoặc hạn chế một số quyền, lợi ích của người bị kết án. Việc áp dụng hình phạt đối với người bị kết án sẽ đưa đến hậu quả pháp lý là người đó bị coi là có án tích. Chịu hình phạt, người bị kết án có thể bị tước bỏ hoặc bị hạn chế quyền tự do, quyền về tài sản, về chính trị, thậm chí cả quyền sống
- Hình phạt chỉ có thể xuất hiện khi có sự việc phạm tội. Hình phạt là một trong những dấu hiệu cấu thành tội phạm (là một dạng của Trách nhiệm hình sự).
- Cơ quan duy nhất có thẩm quyền áp dụng hình phạt là tòa án. ả ngoài tòa án không có cơ quan nào khác có quyền quyết định hình phạt.
- Hình phạt phải và chỉ được quy định trong Pháp luật hình sự, được Tòa án áp dụng theo một trình tự đặc biệt do luật Tổ tụng Hình sự quy định.
- Hình phạt chỉ mang tính chất cá nhân vì một trong những nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt ả am là trách nhiệm hình sự chỉ đặt ra đối với cá nhân người phạm tội.

!Invalid Character Setting

!Invalid Character Setting

ả hững phân tích trên một lần nữa đã khẳng định tính đúng đắn và toàn diện của khái niệm về hình phạt mà Tiến sĩ khoa học - PGS Lê Văn Cẩm đã đưa ra: *"Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được áp dụng trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, tự do, lợi ích của người bị kết án theo các quy định của pháp luật hình sự"*

1.1.2. Mục đích hình phạt

Luật hình sự Việt ả am có quan điểm chính thức của ả hà nước về mục đích hình phạt, thể hiện tại Bộ luật Hình sự năm 1985 và Bộ luật hình sự 1999. Theo đó, *"Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm."*

Mục đích cuối cùng, cơ bản và quan trọng nhất của hình phạt là bảo đảm công bằng xã hội. Công bằng xã hội đòi hỏi hình phạt phải có tính trừng trị. Công bằng xã hội vừa là xuất phát điểm, vừa là giới hạn của trừng trị trong hình phạt.

Song song với bảo đảm công bằng xã hội, hình phạt còn hướng tới mục đích phòng ngừa tội phạm. Trong mục đích này tồn tại ba nội dung cơ bản:

- Cải tạo và giáo dục người bị kết án, đồng thời ngăn ngừa họ phạm tội mới - ngăn ngừa riêng.
- Góp phần giáo dục các thành viên khác trong xã hội ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật - ngăn ngừa chung.
- Hỗ trợ cho cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm.

1.1.3. Hệ thống hình phạt

Bộ luật hình sự 1985 ra đời tạo một bước ngoặt phát triển quan trọng của pháp luật hình sự. Lần đầu tiên một hệ thống hình phạt gồm 11 loại hình phạt được quy định chặt chẽ và chính xác với những điều kiện áp dụng cụ thể có tính chất bắt buộc với Tòa án thành một điều luật (Điều 21). Theo đó hình phạt cảnh cáo được quy định bổ sung, đồng thời các hình phạt Buộc phải bồi thường thiệt hại đã gây ra, Cư trú bắt buộc bị loại bỏ. ả goài ra có hai loại hình phạt nữa được quy định để áp dụng riêng đối với quân nhân phạm tội là: Cải tạo ở đơn vị kỷ luật của Quân đội và Tước danh hiệu quân nhân.

Điều 28, Bộ luật Hình sự 1999 quy định hệ thống hình phạt như sau:

"Hình phạt bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung."

1. Hình phạt chính bao gồm: a) Cảnh cáo; b) Phạt tiền; c) Cải tạo không giam giữ; d) Trục xuất; đ) Tù có thời hạn; e) Tù chung thân; g) Tử hình.

2. Hình phạt bổ sung bao gồm: a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; b) Cấm cư trú; c) Quản chế; d) Tước một số quyền công dân; đ) Tịch thu tài sản; e) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;

g) Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.

3. Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung."

1.2. Hình phạt cải tạo không giam giữ

1.2.1. Khái niệm

!Invalid Character Setting

!Invalid Character Setting

1.2.1.1. Bản chất pháp lý

Cải tạo không giam giữ được quy định tại Điều 31 Bộ Luật hình sự 1999 như sau:

"1. Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ sáu tháng đến ba năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi thường trú rõ ràng, nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

2. Tòa án giao người bị phạt cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

3. Người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án."

Trong pháp luật hình sự Việt ả am, cải tạo không giam giữ là hình phạt chính, nghiêm khắc nhất trong số các hình phạt không phải tù, nhẹ hơn hình phạt tù, nặng hơn phạt tiền và cảnh cáo.

1.2.1.2. Đặc điểm

* Điểm nổi bật của hình phạt này chính là khả năng tiến hành trừng trị và giáo dục, cải tạo người bị kết án nhưng không cần cách ly họ ra khỏi xã hội.

* Khác với các hình phạt tù, việc thi hành án cải tạo không giam giữ không phải được giao cho một cơ quan chuyên trách thực hiện. Thẩm quyền giám sát giáo dục này thuộc về cơ quan ả hà nước hoặc tổ chức xã hội nơi người bị kết án cư trú hoặc lao động sản xuất.

* Tính trừng trị của hình phạt thể hiện ở một loạt các nghĩa vụ mà người bị kết án phải thực hiện.

* ả ằm trong hệ thống hình phạt, cải tạo không giam giữ là một trong những hình phạt đem đến hiệu quả cao về giáo dục, phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng. ả gười bị kết án cải tạo không giam giữ được bố trí công việc phù hợp với yêu cầu, mục đích giám sát, giáo dục và được hưởng chế độ phù hợp với công việc mà mình đảm nhiệm.

* Giống như các hình phạt khác, cải tạo không giam giữ có quy định rất chặt chẽ về thời hạn thi hành. Theo luật hình sự 1999, thời gian đó kéo dài từ 6 tháng đến 3 năm. Mức tối thiểu và mức tối đa của hình phạt này được ghi nhận cụ thể.

1.2.1.3. Điều kiện áp dụng

Hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi thường trú rõ ràng, nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

Điều kiện mang tính hình thức là Tòa án phải quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thông qua bản án hoặc một quyết định riêng. Đây được coi là một điều kiện bắt buộc phải được đảm bảo.

1.2.2. Ý nghĩa của hình phạt cải tạo không giam giữ

1.2.2.1. Ý nghĩa chính trị xã hội

Về mặt chính trị xã hội, việc mở rộng áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ sẽ tạo điều kiện cho nhân dân lao động tham gia vào hoạt động phòng và chống tội phạm, giảm chi phí của nhà nước trong việc thi hành án; giảm khó khăn kinh tế cũng như tâm lý gia đình người phạm tội, đồng thời là điều kiện tốt để người phạm tội có thể làm việc tạo ra cơ sở vật chất cũng như lợi ích xã hội khác.

1.2.2.2. Ý nghĩa pháp lý

Hình phạt cải tạo không giam giữ là một trong những yếu tố mang lại sự đa dạng hóa các biện pháp xử lý hình sự trong hoạt động phòng và chống tội phạm. Việc áp dụng cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội đã phát huy được mục đích cải tạo giáo dục, phòng ngừa tội phạm trong khi vẫn tiết kiệm được chi phí xã hội cho việc phòng chống tội phạm. Hình phạt này là một trong những phương tiện hết sức quan trọng để các cơ quan áp dụng pháp luật hoàn thiện lại khả năng trừng trị, cải tạo giáo dục, phòng và chống tội phạm đem đến công bằng xã hội.

1.2.3. So sánh hình phạt cải tạo không giam giữ với một số hình phạt và biện pháp pháp lý hình sự khác

1.2.3.1. So sánh với một số hình phạt khác

- So với bản chất pháp lý của hình phạt tù, cải tạo không giam giữ mang một đặc điểm nổi bật đó là tính hạn chế tự do của người bị kết án. Ấu như hình phạt tù tước bỏ tự do của người bị kết án thì cải tạo không giam giữ chỉ hạn chế tự do của họ.

- Cũng là các hình phạt không phải phạt tù, cải tạo không giam giữ có những nét đặc trưng như các hình phạt quản chế, cảnh cáo: người bị kết án được cải tạo, giáo dục không cần cách ly xã hội, được sống và làm việc trong môi trường xã hội bình thường. Thẩm quyền thi hành án cũng thuộc về các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội nơi người đó làm việc và cư trú.

1.2.3.2. So sánh với biện pháp pháp lý hình sự khác - án treo

Mặc dù bản chất pháp lý khác nhau (cải tạo không giam giữ là hình phạt, còn án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện), nhưng về nội dung, cả án treo và cải tạo không giam giữ đều hướng tới trừng trị, giáo dục và cải tạo người phạm tội nhưng không cách ly họ ra khỏi đời sống xã hội. Các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ và biện pháp pháp lý án treo đều xác định cơ quan có thẩm quyền quản lý và giám sát người bị kết án là cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú.

Về điều kiện áp dụng: ầu hìn chung, các điều kiện áp dụng còn nhiều điểm khá chung chung, phần nhiều tạo điều kiện cho tòa án tự xem xét và giải quyết. Bên cạnh đó, khác với cải tạo không giam giữ, pháp luật quy định trong án treo, người bị kết án được ấn định thời gian thử thách từ một năm đến năm năm.

Về phạm vi áp dụng, hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ được áp dụng cho các tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng. Trong khi đó, án treo lại được áp dụng cho những người bị tòa án phạt tù không quá ba năm, không kể tội đã phạm là tội gì. ầu gay cả trường hợp người bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội mà hình phạt chung không vượt quá 3 năm tù thì cũng thuộc diện được xem xét cho hưởng án treo.

1.3. Hình phạt cải tạo không giam giữ theo pháp luật hình sự một số nước

!Invalid Character Setting

!Invalid Character Setting

- Khoản 3561 - Tổng tập pháp luật Hoa Kỳ có quy định một hình phạt là Probation - Thử thách (có một số tài liệu dịch là án treo). Hình phạt thử thách trong hệ thống hình phạt ở Hoa Kỳ cũng có mục đích tiến hành trừng trị và cải tạo người bị kết án mà không cách ly họ khỏi xã hội. Có thể nói, những điều kiện áp dụng bắt buộc và bổ sung của hình phạt thử thách ghi nhận trong tổng tập pháp luật Hoa Kỳ hết sức chi tiết và đặc thù, tạo điều kiện thuận lợi để tòa án và các công dân Hoa Kỳ áp dụng đúng người, đúng pháp luật. Đây cũng là hướng học tập để hoàn thiện hơn nữa của pháp luật Việt ả am trong việc đề ra các nghĩa vụ cho người bị kết án cải tạo không giam giữ.

- Điều 49, Điều 50 và Điều 53 của Bộ luật hình sự Liên Bang ả ga có quy định ba loại hình phạt mà nội dung của chúng có những nét nhất định gắn với hình phạt cải tạo không giam giữ trong hệ thống hình phạt Việt ả am. Đó là hình phạt: Làm việc bắt buộc; Lao động cải tạo và Hạn chế tự do.

- Trong Bộ luật hình sự Trung Hoa, chúng tôi thấy một hình phạt mang bóng dáng của hình phạt cải tạo không giam giữ - đó là Giam hình sự (Điều 42, 43, 44 Bộ luật hình sự Trung Hoa). Điểm khác biệt nhất của Giam hình sự và cải tạo không giam giữ là: người bị phạt giam hình sự vẫn bị tước một phần tự do (tuy nhiên thời gian tước tự do khá ngắn, chỉ từ 1 đến 6 tháng). Sự tước tự do này là không hoàn toàn. ả gười bị kết án vẫn được thăm gia đình hàng tháng, không bị cưỡng bức lao động mà nếu lao động tại nơi giam hình sự còn được trả công. Về bản chất pháp lý, giống cải tạo không giam giữ, giam hình sự cũng chỉ là sự hạn chế tự do tạm thời.

+ Luật hình sự Pháp quy định một số hình phạt gắn với hình phạt tiền, nhưng xét về nội dung cũng mang ít nhiều các đặc điểm của hình phạt cải tạo không giam giữ. Cụ thể: hình phạt lao động công ích. Đây là hình phạt bắt buộc lao động không hưởng lương. Hình phạt này áp dụng cho hình phạt tước tự do khi người bị kết án đồng ý (thời gian lao động công ích có thể từ 40 đến 240 giờ và được thực hiện trong thời hạn không quá 18 tháng). Đây chính là một dạng hình phạt không tước tự do và không cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

Chương 2

HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. trước khi ban hành bộ luật hình sự 1985

- Phạm vi áp dụng của hình phạt rất hẹp, chỉ gồm những trường hợp thuộc các tội cụ thể: ả gười ở lứa tuổi làm nghĩa vụ quân sự mà không chấp hành đúng những quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, lệnh gọi tập trung huấn luyện; ả gười tiến hành kinh doanh không có giấy phép hoặc không đúng với nội dung được phép, trốn thuế, không niêm yết giá, nâng giá cao hơn giá niêm yết, không đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, sử dụng trái phép nhãn hiệu hàng hóa hoặc dùng thủ đoạn khác để lừa dối cơ quan ả hà nước và người tiêu dùng

- Thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ là ba tháng đến hai năm

2.2. Theo Bộ luật Hình sự 1985

Tại Bộ luật này, hình phạt cải tạo không giam giữ đã được ghi nhận là hình phạt chính nằm giữa hình phạt tù và phạt tiền.

Hình phạt cải tạo không giam giữ giai đoạn này được đề cập đến gồm hai phần tách biệt: cải tạo không giam giữ và cải tạo ở các đơn vị kỷ luật của quân đội với quân nhân phạm tội.

- Về phạm vi áp dụng: Hình phạt này được áp dụng với người phạm tội ít nghiêm trọng và những trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định phạt giam nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được chuyển sang loại hình phạt nhẹ hơn.

- Về thời hạn áp dụng, Hình phạt cải tạo không giam giữ có thời hạn từ sáu tháng đến hai năm.

- Về điều kiện áp dụng: Bộ luật quy định chỉ áp dụng cải tạo không giam giữ với người phạm tội ít nghiêm trọng. Ắt ngoài ra còn một số điều kiện sau:

+ Có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt;

+ Bị cáo không phải là người tái phạm về tội cố ý;

+ Bị cáo có căn cước, lý lịch rõ ràng, có nơi thường trú

- Ắt gười bị kết án được Tòa án giao cho cơ quan Ắt hà nước hoặc tổ chức xã hội nơi người đó làm việc hoặc thường trú để giám sát, giáo dục.

- Ắt gười bị kết án phải thực hiện các nghĩa vụ về cải tạo không giam giữ.

Ắt ghĩa vụ khấu trừ thu nhập không phải là nghĩa vụ bắt buộc. Tòa án được linh hoạt quyết định áp dụng yêu cầu thực hiện nghĩa vụ này đối với người bị kết án.

Đối với người phạm tội là quân nhân tại ngũ, trong trường hợp điều luật quy định hình phạt cải tạo không giam giữ, thì áp dụng hình phạt cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội.

- Về bản chất, cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội đã đi ngược lại với cải tạo không giam giữ. Theo đó, quân nhân phạm tội lại bị đẩy vào một trại tập trung tương tự như trại tạm giam của quân khu, quân đoàn - nơi có mặt của nhiều quân nhân phạm tội khác. Hệ quả tất yếu dẫn tới việc cùng bị kết án cải tạo không giam giữ nhưng các quân nhân phạm tội hoàn toàn bất bình đẳng với những người khác.

- Ắt hững quân nhân phạm tội dù phải chấp hành hình phạt cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội nhưng không bị tước hay giáng cấp quân hàm, bị cách chức. Điều này cũng tạo ra sự bất hợp lý trong việc đối xử và duy trì quan hệ chỉ huy phục tùng trên cơ sở cấp bậc, chức vụ của quân nhân.

2.3. Theo Bộ luật Hình sự 1999

Khoản 1 Điều 28 Bộ luật hình sự 1999 tiếp tục khẳng định vị trí của hình phạt cải tạo không giam giữ trong hệ thống hình phạt là hình phạt chính, nằm giữa hình phạt tù và hình phạt phạt tiền và cảnh cáo.

* Về phạm vi áp dụng: So với bộ luật hình sự 1985, Bộ luật Hình sự 1999 mở rộng phạm vi áp dụng của hình phạt cải tạo một cách đáng kể. Cải tạo không giam giữ không chỉ được áp dụng với người phạm tội ít nghiêm trọng mà còn được áp dụng cả với người phạm tội nghiêm trọng.

* Về thời hạn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ

Cùng với việc nâng cao vai trò và mở rộng phạm vi áp dụng của hình phạt cải tạo không giam giữ, thời hạn áp dụng hình phạt này cũng được quy định dài hơn, kéo dài từ sáu tháng đến ba năm.

* Về điều kiện áp dụng:

Bộ luật hình sự 1999 bổ sung thêm các điều kiện sau:

- ả gười phạm tội đang có nơi làm việc ổn định hoặc nơi thường trú rõ ràng.

- Chỉ áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người đó ra khỏi xã hội.

* Cũng tại Bộ luật hình sự 1999, lần đầu tiên nhà làm luật đưa quy định nghĩa vụ của gia đình người bị kết án cải tạo không giam giữ vào thành điều luật cụ thể.

* ả gười bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ về cải tạo không giam giữ. Đặc biệt, nghĩa vụ khấu trừ 5% đến 20% thu nhập trở thành một nghĩa vụ bắt buộc và chỉ có thể được miễn trong một số trường hợp đặc biệt do Tòa án quyết định và ghi nhận trong bản án.

* *"Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó.*

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định"

Bộ luật hình sự 1999 đã bỏ hình phạt hình phạt cải tạo ở đơn vị kỷ luật quân đội.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ.

3.1. Thực tiễn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và những bất cập vướng mắc

3.1.1. Thực tiễn áp dụng

Qua các số liệu ghi nhận tại Phòng thống kê thuộc Tòa án nhân dân tối cao, chúng ta có thể thấy mặc dù hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng khá phổ biến nhưng số lượng các tội phạm bị kết án cải tạo không giam giữ trên thực tiễn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số tội phạm được xét xử. Từ năm 1995 đến năm 1999, với những quy định chưa được hoàn thiện về cải tạo không giam giữ của Bộ luật hình sự 1985, tòa án các cấp vẫn chưa thực sự áp dụng nhiều hình phạt này. Sau năm 1999, khi Bộ luật hình sự 1999 ra đời với nhiều điểm đổi mới về các quy phạm pháp luật, chính sách nhân đạo được thể hiện rõ, tỉ lệ các án cải tạo không giam giữ so với các án phạt nói chung được nâng lên đáng kể. Đặc biệt, từ năm 2004, sự thay đổi này càng rõ rệt.

Trong tổng số các tội phạm cụ thể, hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng tập trung với một số tội nhất định. Tỉ lệ này có sự chênh lệch khác biệt giữa hai giai đoạn áp dụng bộ luật 1985 và bộ luật 1999.

Tại giai đoạn áp dụng Bộ luật hình sự 1985, trong tổng số các án cải tạo không giam giữ, Tòa án các cấp đã tuyên hình phạt này chủ yếu cho những người phạm ***các tội xâm phạm trật tự công cộng.***

Đến Bộ luật hình sự 1999, tỉ lệ hình phạt này được tuyên chủ yếu với ***các tội xâm phạm sở hữu.***

Tỷ lệ áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ ở các cấp tòa án có sự chênh lệch rõ nét.

!Invalid Character Setting

!Invalid Character Setting

Là một trong các hình phạt không phải hình phạt tù, tương tự như cảnh cáo và phạt tiền, cải tạo không giam giữ có tỷ lệ áp dụng ở tòa án cấp Tỉnh thấp hơn nhiều so với ở Tòa án cấp huyện. Điều này được lý giải bằng thẩm quyền xét xử của Tòa án các cấp được Bộ luật tố tụng Hình sự quy định. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xét xử nhiều các vụ án về các tội ít nghiêm trọng là những tội có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Điều này được coi là nguyên nhân chủ yếu để các Tòa án cấp huyện áp dụng án cải tạo không giam giữ nhiều hơn Tòa án cấp tỉnh.

3.1.2. Những bất cập vướng mắc

Âu h đã phân tích ở trên, cải tạo không giam giữ là một hình phạt chính, sau hình phạt tù và trước cảnh cáo, phạt tiền, nhưng việc áp dụng nó trong thực tế xét xử còn chưa nhiều. Tỷ lệ áp dụng án phạt này thực sự thấp ở tòa án cấp tỉnh.

Thứ nhất, những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới bất cập này bao gồm:

- Sự nhận thức đánh giá về ý nghĩa, vai trò và vị trí của hình phạt cải tạo không giam giữ trong các nhà luật học, những người tiến hành tố tụng và cá nhân công dân còn hạn chế.

- Các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan được giao thẩm quyền kiểm tra, giám sát, giáo dục người chấp hành án cải tạo không giam giữ cũng chưa thực hiện đúng các nghĩa vụ mà pháp luật quy định.

Thứ hai, những điều kiện để áp dụng án cải tạo không giam giữ mặc dù đã được luật định và được các văn bản hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ghi nhận và làm rõ nhưng vẫn còn nhiều điểm chưa thực sự rõ ràng, thậm chí có những trường hợp lại tương đối khắt khe.

Thứ ba, một thực tế phổ biến khác, do những ảnh hưởng từ nền tư pháp cũ, thông qua các văn bản pháp luật, những tiền lệ án, thậm chí là cách giảng dạy, đào tạo hoặc nếp nghĩ, nếp làm của những nhà luật học cũ, cho đến nay, các nhà làm luật và áp dụng pháp luật vẫn có tư tưởng coi trọng án phạt tù hơn những hình phạt không phải hình phạt tù khác. Vì vậy, trong công tác tư pháp, ít nhiều họ cũng ngại ra các bản án không phải là án phạt tù. Một lựa chọn mà họ thường hướng tới đó là sử dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đó là án treo.

Thứ tư, trong thực tế thi hành án cải tạo không giam giữ hiện nay, chúng ta cũng thấy rằng bản án thường tuyên không rõ ràng. Tòa án thường chỉ tuyên thời hạn phải chấp hành hình phạt mà không tuyên rõ thời điểm bắt đầu và kết thúc của việc chấp hành hình phạt này. Mặc dù vậy việc thi hành loại hình phạt ít được quan tâm trong thực tiễn thi hành án. Chỉ khi có liên quan đến vấn đề tổng hợp hình phạt thì mới nảy sinh vấn đề xác định thời gian chấp hành loại hình phạt này như thế nào cho đúng.

3.2. Một số kiến nghị

3.2.1. Hoàn thiện các quy định về cải tạo không giam giữ:

Quy trình hoàn thiện này phải tuân thủ nguyên tắc: khi ban hành những quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ cũng không được trái với những nguyên tắc hiến định trong Hiến pháp. Ái ngoài ra nó cũng không được trái với các văn bản pháp luật khác.

- BLHS cần phải có các chế tài xử lý đối với những hành vi vi phạm của cơ quan, tổ chức và gia đình trong công tác thi hành án cải tạo không giam giữ khi các chủ thể này không thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Ái ngoài ra cần phải có chế tài xử lý đối với người bị kết án trong trường hợp họ không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Theo chúng tôi, hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 31 Bộ luật hình sự nên ghi nhận lại như sau:

1. Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 6 tháng đến 3 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định mà đang có nơi làm việc ổn định, nơi thường trú rõ ràng nếu, xét thấy không cần phải cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội.

Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

2. Tòa án giao người bị kết án cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

3. Người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án.

4. Người bị phạt cải tạo không giam giữ không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng nghĩa vụ của mình thì tùy theo tính chất mức độ của hành vi có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội quy định tại Điều 304 của Bộ luật này.

5. Khi người bị kết án đã chấp hành được một phần ba thời hạn cải tạo không giam giữ và có nhiều tiến bộ hoặc lập công, mắc bệnh hiểm nghèo thì có thể được Tòa án xét giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt theo quy định tại các điều 58, 59, và 76 của Bộ luật này"

- Chúng tôi cho rằng cần hủy bỏ án treo, giữ lại hình phạt cải tạo không giam giữ và hoàn thiện, phát triển nó thành công cụ pháp lý hữu ích hơn.

- Là hình phạt chính, cải tạo không giam giữ cũng phải thể hiện đầy đủ tính nghiêm khắc trong việc trừng trị, cải tạo và giáo dục người phạm tội. Các nhà làm luật nên đưa ra những điều luật với chế tài bắt buộc phải sử dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Các nhà làm luật nên ghi nhận rõ hơn về điều kiện *Chỉ áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người đó ra khỏi xã hội.*

- Về thời hạn thi hành bản án, các nhà làm luật nên quy định trong điều luật quan điểm cần tính thời điểm bắt đầu thi hành hình phạt ***tính từ ngày ban hành quyết định thi hành án.***

- Các nhà làm luật cần ghi nhận một cách cụ thể hơn trong các văn bản pháp quy những quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của các cơ quan có thẩm quyền giám sát việc giáo dục và cải tạo người bị kết án cải tạo không giam giữ. Đặc biệt cần nhấn mạnh trách nhiệm liên kết và tương trợ giữa các cơ quan đó trong công tác cải tạo và giáo dục người phạm tội, đảm bảo việc thi hành án được nghiêm túc, hiệu quả.

3.2.2. Thống nhất nhận thức về áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ

Hiệu quả áp dụng của cải tạo không giam giữ chỉ có thể đạt được khi chúng ta thống nhất được nhận thức về việc áp dụng hình phạt này. Cụ thể là:

- ả hạn thức đúng đắn vai trò của hình phạt cải tạo không giam giữ trong hệ thống hình phạt nước ta để từ đó mạnh dạn áp dụng hình phạt này trên thực tế.
- ả hạn thức thống nhất các điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để các Tòa án dễ dàng hơn trong thực tế xét xử;

- Cũng cần có hướng dẫn, nhận thức thống nhất về tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ với hình phạt khác, cách tính thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ v.v.

3.2.3. Các biện pháp tăng cường hiệu quả áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ

Một là, để tăng cường hiệu quả áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, đòi hỏi đặt ra, các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, giáo dục và cải tạo người bị kết án phải kiện toàn tổ chức và hoạt động của mình.

Hai là, về tổ chức nhân sự của Tòa án: cần đảm bảo hơn nữa tính độc lập bằng việc tăng nhiệm kỳ cho các Thẩm phán không dừng lại ở nhiệm kỳ 5 năm như hiện nay, nên tăng nhiệm kỳ lên hoặc thực hiện chính sách bổ nhiệm suốt đời như một số nước phương tây.

Cần nâng cao trình độ chuyên môn của Thẩm phán. Công tác xét xử đòi hỏi người xét xử phải không chỉ là những người có kiến thức pháp luật chuyên sâu mà cần phải có nhiều kinh nghiệm xét xử cũng như kinh nghiệm sống.

Ba là, nâng cao chất lượng kiểm sát của VKS, tăng cường nhận thức về sử dụng quyền kiểm sát và quyền kháng nghị của VKS nhân dân các cấp trong thi hành án hình sự là một đòi hỏi cấp thiết hiện nay, đặc biệt trong công tác thi hành án cải tạo không giam giữ.

Bốn là, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể có sự phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác theo dõi, giám sát người đang thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị xã hội, nhân dân tham gia tích cực vào công tác theo dõi, giám sát người bị kết án tạo điều kiện giúp họ làm ăn sinh sống trong môi trường xã hội bình thường.

KẾT LUẬN

Thực hiện đề tài: "**Hình phạt cải tạo không giam giữ trong luật hình sự Việt Nam**" tác giả đưa ra những nghiên cứu về cơ sở lý luận của hình phạt cải tạo không giam giữ và thực tiễn áp dụng công tác này trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm của các cơ quan bảo vệ pháp luật; đánh giá thực trạng công tác áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trong những năm qua ở nước ta, nêu ra những bất cập, tồn tại; trên cơ sở đó đưa ra được những đề xuất, những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về hệ thống hình phạt nói chung và hình phạt cải tạo không giam giữ nói riêng. Kết quả nghiên cứu thể hiện ở một số điểm sau đây:

Thứ nhất: Hình phạt cải tạo không giam giữ là một hình phạt chính nằm trong hệ thống hình phạt quy định trong Bộ luật Hình sự, "*được áp dụng từ sáu tháng đến ba năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi thường trú rõ ràng, nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội*" (Điều 31 Bộ luật Hình sự 1999). Là một hình phạt không phải hình phạt tù, cải tạo không giam giữ mang tính nhân đạo sâu sắc, hướng tới mục tiêu cải tạo, giáo dục người phạm tội ngay tại môi trường sinh sống bình thường của họ, mở rộng khả năng và con đường hoàn lương cho những người lầm lỗi.

Thứ hai: Với hình phạt cải tạo không giam giữ, một đặc điểm riêng biệt được khẳng định, đó là, cơ quan thi hành án được mở rộng. Bên cạnh Tòa án, Viện kiểm sát, Đội thi hành án, các cơ quan tổ chức hữu quan khác cũng có vai trò nhất định trong công tác thi hành án, phối hợp với các cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục và gia đình người bị kết án để quản lý, kiểm tra, giám sát người bị kết án, có cơ chế giúp họ sớm trở thành người có ích cho xã hội. Tính chất xã hội hóa được mở rộng, khả năng giáo dục và phòng ngừa tội phạm nâng cao.

Thứ ba: Qua phân tích về quyền và nghĩa vụ của người bị kết án, trách nhiệm và quyền của các cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục, gia đình người bị kết án trong công tác thi hành án cũng như những điểm bất hợp lý của các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ bộc lộ khi áp dụng trên thực tế, chúng tôi xác định các nguyên nhân, đưa ra các giải pháp để hoàn thiện các quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ giải pháp thống nhất nhận thức và các giải pháp khác với mong muốn giúp cho việc áp dụng và thi hành hình phạt này trên thực tế mang lại hiệu quả.

Chúng tôi hy vọng rằng, với những kiến nghị cả về mặt lập pháp và thực tiễn áp dụng pháp lý mà chúng tôi đưa ra trong luận văn này sẽ được các nhà làm luật và những cán bộ làm công tác thực tiễn quan tâm trong quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật.